TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2018/DS-PT
Ngày: 27-03-2018
V/v tranh chấp yêu cầu công nhận và đòi lại quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thiện Kế

Các Thẩm phán: 1- Huỳnh Đức Khải

2- Ông Nguyễn Khánh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhẫn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Nguyễn Văn Sạch, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 22 và 27 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2018/TLPT-DS ngày 16 tháng 01 năm 2018 về việc "Tranh chấp yêu cầu công nhận và đòi lại quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 78/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 18/2018/QĐPT-DS ngày 09 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trình Minh Y, sinh năm 1923. (chết ngày 01-10-2017)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trình Minh Y:

1.1- Ông NKT 1, sinh năm 1951. (có mặt)

Địa chỉ: Số 09, ấp X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

1.2- Ông NKT 2, sinh năm 1957. (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

1.3- Ông NKT 3, sinh năm 1959. (vắng mặt)

Địa chỉ: 147, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

1.4- Bà NKT 4, sinh năm 1961. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

1.5- Bà NKT 5, sinh năm 1962. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

1.6- Bà NKT 6, sinh năm 1969. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

1.7- Ông NKT 7. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

1.8- Ông NKT 8, sinh năm 1980. (vắng mặt)

1.9- Bà NKT 9, sinh năm 1976. (vắng mặt)

1.10- Bà NKT 10, sinh năm 1983. (vắng mặt)

1.11- Ông NKT 11, sinh năm 1979. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp H, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của các ông bà NKT 3, NKT 4, NKT 5, NKT 6, NKT 7, NKT 8, NKT 9, NKT 10, NKT 11: Ông NKT 1, sinh năm 1951, theo các văn bản ủy quyền ngày 24, 25 và 27/02/2018. (có mặt)

Địa chỉ: Số 09 Trần Phú, ấp X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

1.12- Bà NKT 12, sinh năm 1967. (vắng mặt)

Địa chỉ: 135/18 khóm B, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

1.13- Bà NKT 13, sinh năm 1970. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 33A, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn: Bà Phùng Thị L, sinh năm 1961. (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư Bạch Sỹ C– Luật sư của Văn phòng Luật sư Bạch Sỹ C, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1- Bà NLQ1, sinh năm 1958. (vắng mặt)

Địa chỉ: số 132/18 phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

3.2- Ông NLQ2, sinh năm 1957. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của bà Huỳnh và ông Lắm: Bà Phùng Thị L, sinh năm 1961, theo các văn bản ủy quyền ngày 14 và 19/3/2018. (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

***4.* Người làm chứng:**

4.1- Ông NLC1, sinh năm 1949. (vắng mặt)

4.2- Bà NLC2, sinh năm 1949. (vắng mặt)

4.3- Ông NLC3, sinh năm 1946. (vắng mặt)

4.4- Ông NLC4. (vắng mặt)

4.5- Bà NLC5, sinh năm 1933. (vắng mặt)

4.6- Ông NLC6, sinh năm 1962. (có mặt)

4.7- Bà NLC7, sinh năm 1925. (vắng mặt)

4.8- Bà NLC8, sinh năm 1928. (vắng mặt)

4.9- Bà NLC9, sinh năm 1961. (có mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

5. Người kháng cáo: Bị đơn bà Phùng Thị L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

** Nguyên đơn ông Trình Minh Y khởi kiện có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng trình bày:*

Cha mẹ ông là ông Trình Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị N có đất tại ấp P, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Ông Đ và bà N có 04 người con, sau khi chia đất cho các con còn lại một phần đất có diện tích khoảng 04 công, khi cha mẹ chết thì phần đất này do ông quản lý, sử dụng, còn các chị ruột của ông thì có gia đình và chuyển đến thành phố Hồ Chí Minh, Cần Thơ sinh sống cho đến khi tiếp thu mới về xã T sinh sống. Trong thời gian ông quản lý thì khi các gia đình có nhu cầu chôn cất người thân trên phần đất này đều đến liên hệ với ông, ông cho mới được chôn; ông gìn giữ, trông coi đất này từ nhỏ cho đến nay, hiện trên phần đất này ông có trồng 1.000 cây Bạch Đàn đã được 11 năm tuổi nhưng từ trước đến nay không ai ngăn cản hoặc có tranh chấp gì.

Vào năm 2010 ông đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nêu trên, theo kết quả đo đạc của đoàn đo đạc 1992-1994 thì phần đất thuộc tờ bản đồ số 02, diện tích nghĩa địa là 2.827m^2. Hiện nay phần đất này thuộc thửa số 19, tờ bản đố số 46, diện tích 3.488,9 m^2, tọa lạc tại ấp P, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Quá trình đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông được biết bà Phùng Thị L có tranh chấp với ông phần đất này, tranh chấp được Ủy ban nhân dân xã T, huyện K giải quyết 02 lần. Quá trình giải quyết bà L cho rằng do trên phần đất này có mộ của cha mẹ bà nên bà đề nghị được làm thủ tục đăng ký cấp giấy đối với toàn bộ phần đất này nhưng ông không đồng ý. Đến năm 2011, hồ sơ liên quan được chuyển đến Ủy ban nhân dân huyện K để giải quyết, nhưng đến năm 2015 cơ quan này mới tiến hành các thủ tục liên quan nhưng chưa được giải quyết xong. Nay ông yêu cầu Tòa án công nhận phần đất thuộc thửa số 19, tờ bản đố số 46 nêu trên là thuộc quyền sử dụng của ông.

Đến ngày 02/8/2017, ông Y thay đổi nội dung đơn khởi kiện, ông chỉ yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho ông có diện tích, số đo tứ cạnh là hướng đông giáp đất bà Nguyễn Thị Bích Thủy có số đo 78m, hướng tây giáp phần đất ông Nguyễn Văn Chiến, Đặng Quang Chiểu có số đo 31,68m + 44,88m = 76,56m, hướng nam giáp phần đất còn lại của thửa 19, tờ bản đồ số 46 (bên ông NLC6) có số đo 35,05m, hướng bắc giáp đường đất công cộng (bên ông Hồ Hoàng Xuân) có số đo 31,60m; phần 2 ngôi mộ của vợ chồng ông Năm trên đất này ông không yêu cầu; phần còn lại chiều ngang (hướng đông, tây) 13m, chiều dài có hướng nam 35,50m, hướng bắc 35,05m thì ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn bà Phùng Thị L trình bày:*

Phần đất đang tranh chấp hiện nay có nguồn gốc là đất của ông bà ngoại của bà là ông Trình Ngọc Đ và bà Nguyễn Thị N. Sau khi ông Đ chết, bà N chia đất cho 04 người con, khi đó phần đất này bà N chia cho mẹ bà là bà Trình Thị Nh, lúc chia không làm giấy tờ gì. Ông Trình Minh Y ở chung với ông Đ, bà N, còn mẹ bà ở Cần Thơ, bà Trình Thị T sống Thành phố Hồ Chí Minh, đến năm 1975 mới trở về An Lạc Tây để sinh sống thì ông Y mới giao lại phần đất này cho mẹ bà và bà T cùng năm 1975. Sau khi ông Y giao phần đất này (đất đang tranh chấp) thì mẹ bà cũng không sử dụng, chỉ cho các gia đình không có đất chôn cất người thân trên phần đất này.

Vào năm 1975, trên phần đất này bà có đắp bờ để trồng bầu, trồng đậu đến năm 1996 thì bà không còn sử dụng nữa, hiện nay bờ bị sạt lở nhưng vẫn còn vết, bờ này cặp mương phía đối diện đường đal. Phần đất sát đường đal thì của mẹ bà, đến khi mẹ bà chết thì anh bà là NLQ2 sang phần đất này cho bà Bích Thủy, ông Chiểu, ông Lắm. Khi ông Y trồng Bạch Đàn trên phần đất này thì bà không biết, đến tết nguyên đán năm 2010 thì về cúng mã thì mới biết, khi biết thì bà không có nói gì với ông Y, mà chỉ nói nói riêng với bà NLC8, NLC8 chỉ nói có nói với ông Y già cả trồng làm gì cho cực khổ nhưng ông Y vẫn trồng cây trên đất.

Khi bà đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất nghĩa địa vào tháng 6/2010 thì ông Y có tranh chấp rồi ông Y yêu cầu Ủy ban nhân dân xã T hòa giải. Sau khi xã tiến hành xác minh thì ông Y đồng ý cho bà được quyền sử dụng và đăng ký cấp giấy đối với phần đất có mộ của mẹ bà nhưng bà không đồng ý, do toàn bộ phần đất tranh chấp này là của mẹ bà, bà muốn đăng ký cấp giấy đối với toàn bộ phần đất này. Sau đó ông Y lại có ý kiến chia phần đất nghĩa địa làm 04 phần, chia cho Trình Thị Nh do bà hưởng, NLC8, Trình Thị T và Trình Minh Y, nhưng do bà T không sinh sống ở đây nên ông Y đề nghị được quản lý phần của bà T, còn của NLC8 thì hỏi NLC8 nếu bà cho ai thì người đó hưởng, nhưng bà cũng không Đ ý do trước đây ông, bà ngoại của bà đã có chia đất cho các con, còn phần đất này là phần mẹ bà được hưởng. Ngoài đất này thì ông Đ và bà N có chia cho cha mẹ bà phần đất khác nhưng không biết diện tích bao nhiêu. Bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Y.

Ngày 21/8/2017, bà Phùng Thị L có đơn phản tố, bà yêu cầu ông Y trả lại cho bà phần đất mà ông Y đang sử dụng có vị trí, kích thước theo kết quả thẩm định của Tòa án như sau: Hướng đông giáp Nguyễn Thị Bích Thủy có số đo 91m, hướng tây giáp Nguyễn Văn Chiến và Đặng Quang Chiểu có số đo 31,68 + 57,88m = 89,56m, hướng Nam giáp đất ông NLC6 có số đo 35,5m và hướng Bắc giáp đường đất cộng cộng có số đo 31,6m, đất tọa lạc ấp P, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; ông Y chặt bỏ hoặc di dời các cây Bạch Đàn trên đất, bà không hỗ trợ chi phí gì cho ông Y. Riêng các khu mộ trên phần đất tranh chấp theo biên bản thẩm định ngày 01/6/2017 thì bà không có ý kiến, yêu cầu gì.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 78/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định như sau: Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, khoản 1 Điều 244, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278, Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm b khoản 2 Điều 203, khoản 1 Điều 26, khoản 1, khoản 5 Điều 166 của Luật đất đai năm 2013; Điều 236 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 26 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận việc thay đổi yêu cầu và khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

1/ Công nhận quyền sử dụng đất cho ông Trình Minh Y có diện tích 2.572,2m^2, tứ cạnh: Hướng đông giáp đất bà Nguyễn Thị Bích Thủy có số đo 78m, hướng tây giáp đất ông Nguyễn Văn Chiến, Đặng Văn Chiếu co số đo 31,68 + 44,88 = 76,56m, hướng nam giáp phần đất còn lại của thửa 19 (phần giao cho bà L quản lý, sử dụng) có số đo 35,05m, hướng bắc giáp đường đi công cộng (bên ông Hồ Hoàng Xuân) có số đo 31,60m. Phần đất này không bao gồm diện tích khu mộ của vợ chồng ông Bụng có diện tích là 9,4m^2.

Ông Y được sở hữu cây Bạch Đàn trên đất này.

2/ Buộc ông Trình Minh Y có trách nhiệm giao cho bà Phùng Thị L quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 451,3m^2, tứ cạnh: Hướng đông giáp đất bà Nguyễn Thị Bích Thủy có số đo 13m, hướng tây giáp phần đất của ông Đặng Quang Chiếu có số đo 13m, hướng nam giáp phần đất của ông NLC6 có số đo 35,50m, hướng bắc giáp phần đất còn lại của thửa 19 (phần công nhận cho ông Y), có số đo 35,05m. Phần đất này không bao gồm diện tích khu mộ của mẹ chồng bà Hường có diện tích là 6m^2.

Ông Trình Minh Y có trách nhiệm chặt bỏ, di dời cây Bạch Đàn để trả lại đất nêu trên cho bà L chậm nhất là ngày 29/9/2018.

Các phần đất nêu trên thuộc thửa 19, tờ bản đồ số 46 (trước đây thuộc thửa 286, tờ bản đồ số 02), tọa lạc ấp P, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Kèm theo bản án là Biên bản thẩm định tại chỗ và bản mô tả đo đạc Tòa án ngày 01/6/2017 và Sơ đồ của Tòa án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí định giá tài sản, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 9-10-2017, bị đơn bà Phùng Thị L nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp là của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn không rút lại yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu phản tố và đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ bị đơn trình bày cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm xét xử cho rằng ông Y sử dụng phần đất tranh chấp trên 30 năm nên công nhận quyền sử dụng đất cho ông Y là chưa khách quan. Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ vào chứng cứ trong hồ sơ mà căn cứ vào lời khai người làm chứng chưa chính xác, còn mâu thuẫn nhau. Từ những chứng cứ thực tế cho thấy phần đất tranh chấp là tài sản của cụ Đ, cụ N để lại chưa chia cho ai hết, nếu tranh chấp thì đây là di sản thừa kế chưa chia, là tài sản chung. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần kháng cáo của bị đơn, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bác toàn bộ yêu cầu phản tố của bị đơn, nếu các đương sự yêu cầu chia thừa kế thì tách thành vụ án khác theo quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở Tòa án cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng quy

định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm ngày 29-9-2017, ngày 01-10-2017 nguyên đơn ông Trình Minh Y chết. Trên cơ sở tờ khai tông chi của ông Trình Minh Y (bút lục số 288), Tòa án cấp phúc thẩm đưa các ông bà NKT 1, NKT 2, NKT 3, NKT 4, NKT 5, NKT 12, NKT 6, NKT 13, NKT 7, NKT 8, NKT 9, NKT 10, NKT 11 vào tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn ông Trình Minh Y theo quy định tại Điều 68 và Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, những người làm chứng các ông bà NLC1, NLC2, NLC3, NLC4, NLC5, NLC7, NLC8 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn bà Phùng Thị L, về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu phản tố công nhận quyền sử dụng đất tranh chấp là của bà.

[4] Nhận thấy, phần đất các đương sự tranh chấp có diện tích 3.023,5m^2 thuộc một phần thửa đất số 19, tờ bản đồ số 46 (trước đây là thửa 286, tờ bản đồ số 02), tọa lạc ấp P, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc diện tích đất này là của ông Trình Ngọc Đ (chết năm 1937) và bà Nguyễn Thị N (chết năm 1960). Sinh thời ông Đ và bà N có bốn người con là bà Trình Thị Nh (đã chết – là mẹ bà L), bà NLC8, bà Trình Thị T (đã chết), ông Trình Minh Y. Ông Đ, bà N chết không để lại di chúc, nhưng khi còn sống ông Đ, bà N đã chia đất cho các con. Riêng phần đất tranh chấp diện tích 3.023,5m^2 trên là đất mồ mã, giáp với khu đất của bà Nh được chia nên ông Đ, bà N cho bà Nh thêm 05 công đất khác để bù vào phần mồ mã. Phần đất này ông Đ, bà N dùng làm đất mồ mã để chôn cất người thân và làm thiện. Theo ông Y cho rằng các chị ông có gia đình sống riêng nên phần đất này khi cha mẹ chết thì ông trông coi, quản lý, sử dụng làm đất mồ mã, trên đất thì ông có trồng 1.000 cây Bạch Đàn, nên đề nghị công nhận một phần diện tích 2.572,2m^2 trong thửa đất số 19 này cho ông. Bà L thì cho rằng phần đất mồ mã diện tích 3.023,5m^2 này do ông bà ngoại là ông Đ, bà N cho mẹ bà, sau đó anh em bà cho lại bà, nên đề nghị công nhận phần đất này cho bà. Bà NLC8 hiện còn sống trình bày cha mẹ bà có chia cho mỗi người con một khu đất, nên phần đất mồ mã tranh chấp không liên quan đến bà nữa. Ban đầu phần đất bà Nh được cho gắn liền với khu mộ nên mẹ bà đã cho bà Nh thêm 05 công đất ở vị trí khác để bù cho khu mồ mã, còn đất mồ mã này thì cha mẹ bà cho ông Y hay bà Nh thì bà không rõ, do các chị em bà đi lấy chồng thì ở riêng chỉ có ông Y ở chung với cha mẹ đến khi chết (bút lục số 86); Những người dân sinh sống gần đất tranh chấp đều trình bày phần đất này thấy ông Y quản lý, sử dụng, khi lối xóm có người chết thì thân nhân xin ông Y để chôn cất, bà N chỉ cho đất bà Nh đến giáp ranh khu mồ mã, bà Nh được cho thêm phần đất khác cùng ấp (bút lục số 72-83).

[5] Xét thấy, các bên đương sự đều thừa nhận nguồn gốc diện tích 3.023,5m^2 thuộc một phần thửa đất số 19 là của ông Đ, bà N để lại. Ông Đ chết năm 1937, bà N

chết năm 1960 không để lại di chúc, ông Y hay bà L cũng không ai có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh phần đất này đã được ông Đ hay bà N tặng cho riêng mà đều xác định đây là đất ông Đ, bà N để lại, nên xác định đây là di sản của ông Đ, bà N để lại theo quy định tại Điều 612 Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định *"Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết [...]"*. Ông Y cho rằng ông là người chung sống và chăm sóc ông Đ, bà N, sau khi ông Đ, bà N chết thì ông Y tiếp tục trực tiếp canh tác, quản lý đất công khai, liên tục nêu yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất cho ông là không có cơ sở, do xác định đây là di sản của ông Đ, bà N để lại, ông Y chỉ là người thừa kế đang trực tiếp quản lý di sản theo quy định tại Điều 616 Bộ luật Dân sự năm 2015. Còn bà L phản tố cho rằng phần đất mồ mã này do ông bà ngoại là ông Đ, bà N cho mẹ bà, sau đó anh em bà cho lại bà. Nhưng bà L không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đất này ông Đ, bà N đã cho mẹ bà là bà Nh, để từ đó mẹ bà để lại cho các anh em bà. Nên bà L yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.023,5m^2 thuộc một phần thửa đất số 19 trên cho bà là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Qua những phân tích như đã nêu trên, sau khi đã thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn, áp dụng Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn, các đương sự có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp thừa kế theo quy định của pháp luật.

[8] Xét trình bày của Luật sư bảo vệ bị đơn là có cơ sở chấp nhận, đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa là không có cơ sở chấp nhận.

[9] Do Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm nên người kháng cáo bà Phùng Thị L không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà L phải chịu án phí sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do ông Y là người cao tuổi được xét miễn án phí theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại Điểm đ Khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308, Khoản 1 Điều 309, Khoản 2 Điều 148 và Khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1/. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Phùng Thị L.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 78/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trình Minh Y (chết ngày 01-10-2017 có người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng là các ông bà NKT 1, NKT 2, NKT 3, NKT 4, NKT 5, NKT 12, NKT 6, NKT 13, NKT 7, NKT 8, NKT 9, NKT 10, NKT 11), về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho ông đối với phần đất có diện tích 2.572,2m^2 thuộc một phần thửa đất số 19, tờ bản đồ số 46 (trước đây

thuộc thửa 286, tờ bản đồ số 02), tọa lạc ấp P, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có tứ cận như sau:

+ Hướng đông giáp đất bà Nguyễn Thị Bích Thủy có số đo 78m;

+ Hướng tây giáp đất ông Nguyễn Văn Chiến, Đặng Văn Chiểu có số đo 31,68m + 44,88m;

+ Hướng nam giáp phần đất còn lại của thửa 19 có số đo 35,05m;

+ Hướng bắc giáp đường đi công cộng có số đo 31,60m.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Phùng Thị L, về việc yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất cho bà đối với phần đất có diện tích 3.023,5m^2 thuộc một phần thửa đất số 19, tờ bản đồ số 46 (trước đây là thửa 286, tờ bản đồ số 02), tọa lạc ấp P, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Phần đất có tứ cận như sau:

+ Hướng đông giáp đất bà Nguyễn Thị Bích Thủy có số đo 78m + 13m;

+ Hướng tây giáp đất ông Nguyễn Văn Chiến, Đặng Văn Chiểu có số đo 31,68m + 44,88m + 13m;

+ Hướng nam giáp phần đất tranh chấp giữa ông NLC6 và ông Trình Minh Y có số đo 35,05m;

+ Hướng bắc giáp đường đi công cộng có số đo 31,60m.

** Về chi phí thẩm định, định giá tổng cộng là 7.934.788 đồng: Ông Y và bà L mỗi người phải chịu 3.967.394 đồng. Do các đương sự có nộp tạm ứng trước, sau khi cấn trừ chi phí tạm ứng đã nộp thì bà L có trách nhiệm giao trả cho ông Y (có người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng là các ông bà NKT 1, NKT 7, NKT 8, NKT 9, NKT 10, NKT 11, NKT 2, NKT 3, NKT 4, NKT 5, NKT 12, NKT 6, NKT 13) số tiền là 967.394 đồng, ông Y (có người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng như trên) được nhận lại tiền tạm ứng từ Tòa án cấp sơ thẩm là 1.565.212 đồng.*

** Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phùng Thị L phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009254 ngày 30/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Như vậy bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.*

Ông Trình Minh Y được miễn nộp án phí sơ thẩm, ông Y (có người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng là các ông bà NKT 1, NKT 7, NKT 8, NKT 9, NKT 10, NKT 11, NKT 2, NKT 3, NKT 4, NKT 5, NKT 12, NKT 6, NKT 13) được nhận lại tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005778 ngày 25/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

2/. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phùng Thị L không phải chịu, hoàn trả lại cho bà L số tiền án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009316 ngày 9-10-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3/. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án,tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THA.DS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thiện Kế